

## QUAN HỆ VIỆT - PHÁP Ở THẾ KỶ XIX - XX NHÌN TỪ THƯ RIÊNG TRONG TÀI LIỆU LƯU TRỮ: “NHỮNG NGƯỜI THA HƯƠNG”

VIỆT ANH  
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Quan hệ Việt-Pháp trong khoảng một trăm năm thuộc địa từ thế kỷ XIX đã trở thành nhiều chủ đề nghiên cứu của học giới toàn cầu. Một trong những chủ đề ấy là người Việt di cư sang lãnh thổ Pháp với những công việc dân sự hoặc quân sự. Những khía cạnh liên quan mật thiết tới số phận di dân người Việt sang Pháp trong giai đoạn 1914-1918 (Thế chiến thứ Nhất) và 1939-1952 (bao gồm cả Thế chiến thứ Hai) đã được khai thác sâu trong nhiều ấn phẩm được công bố: *Des Vietnamiens dans la Grande guerre. 50.000 recrues dans les usines françaises*<sup>1</sup>. Paris, Vendémiaire, 2014, 315 tr.; 2010, *Les Travailleurs indochinois requis, Parcours 1939-2006*<sup>2</sup>[publication bilingue, français-vietnamien], Maison d'édition de Da Nang, Việt-Nam, juin 2010, 255 pages; *Immigrés de force, les travailleurs indochinois en France (1939-1952)*<sup>3</sup> (Paris, Actes Sud, 2009, 227 p.)...

Công chúng cũng biết đến số phận của những di dân lao động Việt Nam sang Pháp trong thế chiến thứ Hai qua phim tư liệu *Công Binh: La longue nuit indochinoise* (2013) của Lê Lâm, đạo diễn Pháp gốc Việt.

Tuy nhiên, từ những thập niên cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX bao gồm cả Thế chiến thứ Nhất (1914-1918), có những người Việt đã hiện diện tại lãnh thổ Pháp chính quốc và những lãnh thổ hải ngoại thuộc Pháp như Nouvelle-Calédonie (còn

được gọi là Tân Đảo trong tiếng Việt). Năm 1891 được coi là thời điểm của thế hệ di dân người Việt đầu tiên được đưa sang Nouvelle-Calédonie: con tàu Chéribon chuyên chở 800 người nguyên quán miền Bắc và miền Trung từ Việt Nam để lao động trong các vùng núi Tân Đảo<sup>4</sup>. Sau đó, năm 1898, một số người Việt khác tiếp tục được đưa sang Tân Đảo với thân phận là tù chính trị bị trục xuất.

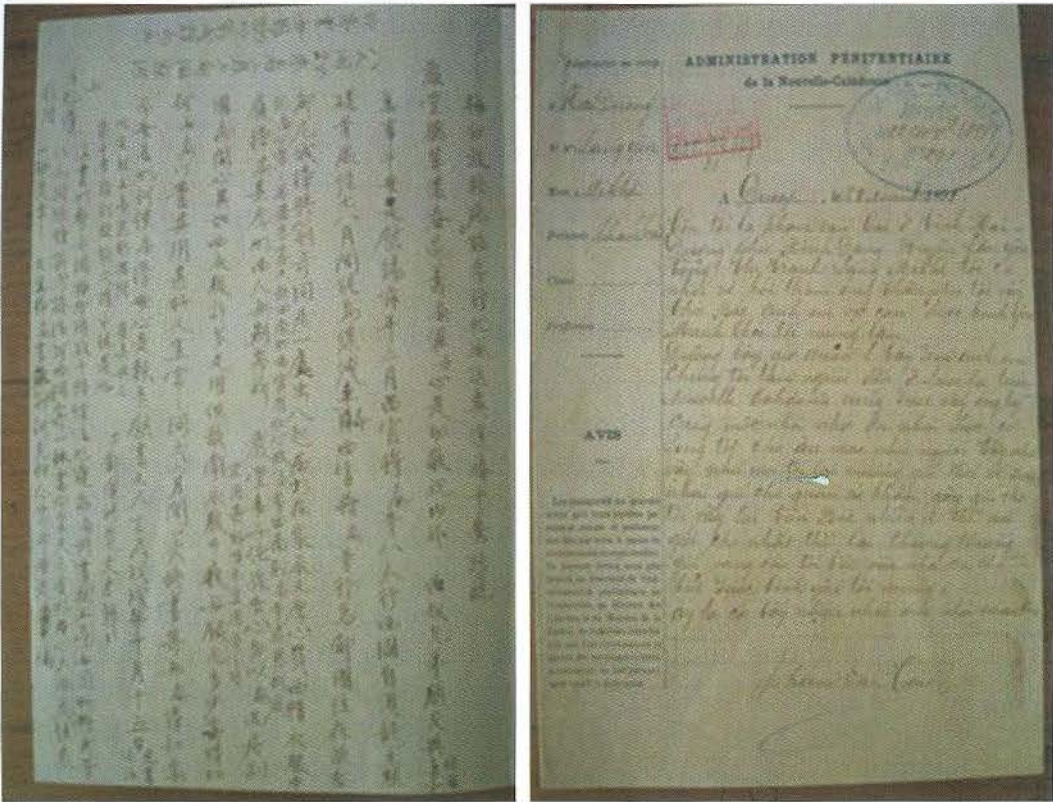
Trong những thập niên nối liền hai thế kỷ này, văn tự Hán Nôm và Quốc ngữ là những chữ viết được sử dụng song song trong thực tế sinh hoạt thường nhật của người Việt. Có những lá thư riêng nằm trong các hồ sơ lưu trữ thuộc giai đoạn này, được viết bằng văn tự Hán-Nôm-Quốc ngữ, là vật chứng về một đoạn đời tha hương nhiều sắc thái của những di dân Việt thuộc thế hệ đầu tiên tới Pháp. Hơn thế, những bức thư riêng với đặc thù là nơi có thể thổ lộ những cảm xúc kín đáo, những nhận định sâu xa của người viết, chính là những du ký nhỏ của những người Việt có cơ hội, hay là bị áp đặt, trở thành di dân nơi viễn xứ.

**Từ những mảnh thư của di dân tù chính trị: nổi nước tình nhà**

Năm 1898, tháng Mười một dương lịch (tháng Mười theo âm lịch) là thời điểm được viết trong tám lá thư từ Ducos, bán đảo thuộc Nouvelle-Calédonie.

Nội dung được thể hiện bằng hai văn tự:





Hai hình ảnh trong số 8 thư của người Việt được viết từ Nouvelle-Calédonie (1898).

Nguồn: ANOM (Pháp), Phòng Thông sứ Bắc Kỳ

Hán Nôm và Quốc ngữ<sup>5</sup>. Nhân thân những người gửi và người nhận được ghi rõ tùy từng thư: Phạm Văn Tài (làng My Khê, tổng Thị tranh, huyện Lãng Yên, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương); Bùi Cự Tầm (xã Hải Yên, huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) gửi Bùi Văn Trạm (em trai); Trần Văn Vịnh (xã Lương Hàn, tổng Văn Lãng, huyện Trục Ninh, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) gửi Trần Văn Toàn (con trai); Lê Quang Huy (làng Dương Liễu, tổng Đa Cốc, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình) gửi Lê Văn Cầm; Nguyễn Văn Mai (làng Phương Man, tổng Quảng Nạp, huyện Thụy Anh, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình) gửi Nguyễn Thư (ông thân sinh); Đặng Văn Thành (xã Trà Phương, tổng Trà Phương, huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Phòng) gửi các anh ruột; Nguyễn Văn Thọ (xã Phương Man, tổng Quảng Nạp,

huyện Thụy Anh, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình) gửi Nguyễn Văn Thu (chú); Nguyễn Văn Tiên (tức Bang, thôn Đông, xã Phương Man, tổng Quảng Nạp, huyện Thụy Anh, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình) gửi Trần Đăng Kỳ (em trai). Cứ theo nội dung tám thư, đương thời tám người Việt đến từ nhiều tỉnh thuộc Bắc Kỳ ngụ cư trên bán đảo Ducos (được viết là Ducop trong tài liệu lưu trữ) thuộc địa phận Nouméa, thủ phủ của Nouvelle-Calédonie – một trong các lãnh thổ hải ngoại thuộc Pháp. Tại Ducos, họ được ở chung nhà với Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm (1875-1929).

Những thư này đã được công bố trong *Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm: Cuộc đời và thơ văn*<sup>6</sup>. Từ trong nghiên cứu này được biết, bà thân sinh của Nguyễn Văn Cầm ở tại làng Ngọc Đình (phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình) chính là nhân vật “bà cụ Đò” được 08 người



tù Việt bị lưu đày tới Tân Đảo định ninh dặn người nhà nhất mực bày tỏ lòng kính trọng. Đến cả việc những món quà quê sẽ được gửi sang Nouvelle-Calédonie, họ cũng căn dặn người nhà mang tới thăm hỏi và trình bày với bà cụ trước khi chuyển đi. Bên cạnh lòng tôn kính dành tới bà thân sinh của Kỳ Đồng và bản thân Nguyễn Văn Cẩm, tám thư cũng xác nhận giông nhau rằng sinh hoạt vật chất (ăn, ở) tại Ducos được chính quyền bảo bọc đầy đủ, tuy nhiên họ vẫn tha thiết đề nghị với người nhà cố gắng gửi sang cho họ một ít trang phục quê nhà, thậm chí còn yêu cầu loại hảo hạng (giày tàu, khăn the, áo lương, quần trắng...) và một số tiền bạc để chi tiêu (người thì 5 chục bạc, người thì 2 chục nguyên...). Thời hạn để gửi đồ là thượng tuần tháng hai (âm lịch) năm 1899. Xét thời giá đương thời, có lẽ gia đình họ ở Bắc Kỳ thời ấy phải tương đối khá giả mới có thể kịp lo liệu và đáp ứng theo lời nhắn gửi của thân nhân trong vài tháng. Theo Nguyễn Phan Quang (2002), 08 thư này không tới được tay thân nhân của người gửi, bởi chúng được dụ để viết ra nhằm theo dõi hành tung của Kỳ Đồng dù ông đã bị trục xuất khỏi xứ Đông Dương và lưu đày viễn xứ, một hành trình lưu đày ngày càng xa cố hương.

Tám người Việt này cùng với Kỳ Đồng nằm trong số những tù nhân chính trị (*déportépolitique*) bị lưu đày từ nhà tù Côn Đảo (Poulo Condor) sang Tân Đảo. Nhìn trong lịch sử di dân Việt ra hải ngoại, hành trình sang Tân Đảo năm 1898 của họ là sự kế tiếp kể từ chuyến tàu biển đầu tiên năm 1891, thời điểm thực dân Pháp vận chuyển khoảng 800 di dân Việt từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ (có khoảng một nửa trong số đó là tù chính trị từ Côn Đảo)<sup>7</sup>. Hành trình năm 1898 của họ vốn rất ít được nhắc tới trong biên niên sử di dân Việt tới Nouvelle-Calédonie.

Cũng có thể tìm thấy trong ANOM những hồ sơ về Kỳ Đồng, trong đó có bản

dịch Pháp văn bức thư của mẹ ông - bà Nguyễn Thị Khai, thư Pháp văn của chính ông cùng gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp và những bức thư được viết bằng Hán Nôm của ông. Một trong số đó là thư được viết vào tháng năm năm 1898 (cùng năm với tám thư trên), cũng từ Ducos. Lời thư được viết gửi tới nhạc mẫu nên gửi nhiều tình cảm, ngô hầu giảm bớt sự theo dõi sát sao của người Pháp. Sinh hoạt thường nhật của bản thân được chính ông miêu tả:

*“Con từ khi bị người tây bắt, nghe được tin nhạc phụ với cụ Nhiêu đã mất, con vô cùng đau buồn. Nhưng người tây giam cầm con rất ngặt, không thể gửi thư thăm hỏi. Nay người tây dời con đến một nơi chính giữa biển, cho một nhà ở với một ít lương thực, tuy không phải phong lưu song cũng không quá cực khổ. Ở nơi này con may gặp được một người dám [giúp] con gửi thư về Nam, vì vậy con có lời muốn chúc nhạc mẫu bình an. Con ban đầu muốn gửi thư về thân mẫu của con nhưng sợ người tây biết họ tên mẹ con sẽ mở thư của con ra xem, vậy nên con gửi thư tới nhạc mẫu nhờ nhạc mẫu qua thăm mẹ con, vợ con cùng cả nhà con với anh em, nói rằng con muốn sự bình an mà trong tâm nhớ nước thương nhà, tưởng nhớ người tình nghĩa, thương nhớ người dân sự vật nước Nam”<sup>8</sup>.*

Ông cũng đề nghị thân nhân, bằng hữu hoặc tìm cách có số tiền tới 5 ngàn bạc, căn dặn nếu gom được số tiền lớn này thì đổi ra tiền Tây mà mang gửi sang Tân Đảo cho mình để tiếp tục mưu tính việc lớn vì nước; hoặc nếu không gom được số lớn thì gửi lẻ làm nhiều lần, mỗi lần một số tiền ta là chừng 50 nguyên bạc – tương đương với nhu cầu viết trong thư của tám người tù chính trị ở cùng nhà. Những năm 1898-1899 là khoảng thời gian Kỳ Đồng và một số tù nhân chính trị khác từ Bắc Kỳ được quây quần ở với nhau Tân Đảo, trước khi ông lại bị lưu đày xa hoi, tới quần đảo



Polynésie cũng là lãnh thổ hải ngoại của Pháp thuộc châu Đại Dương.

**Tới thư của di dân lao động:** phần người trong chiến trận tha hương và nhu cầu hưởng thụ đời sống.

Nguyễn Văn Cẩm và những tù nhân chính trị khác bị trục xuất (déporté politique) tới châu Đại Dương là số ít trong hàng ngàn di dân Việt sang trời Âu Tây giai đoạn thuộc Pháp. Sau một số di dân bất đắc dĩ này, chính phủ Pháp với sự hợp tác của Nam triều đã khởi động những “Yết thị” tuyển mộ lao động xuất ngoại. Niên hiệu Duy Tân thứ 10 (năm 1916) có đợt tuyển nhân công như vậy: chính phủ Pháp cần tuyển “những thợ đi giúp về việc y viện, việc lương và việc làm đường sá”, “những thợ tay nghề”. Các quyền lợi được hứa hẹn trong thông cáo tuyển mộ là được tiền tài, được danh vọng, kể ra tương đối hậu hĩnh đối với điều kiện kinh tế của dân Việt ở Bắc Kỳ trong các làng xã. Theo đó, người tình nguyện xuất dương để làm công việc trong bệnh viện và nơi đường sá:

**“Một là được tiền tài:** 1. Người tình nguyện được như sau đây: Một là lúc tình nguyện được thưởng 40 quan tiền tây. Hai là mỗi ngày được 75 centimes. Ba là người nào vì việc công mà thành tật thì được ăn lương mãi mãi. 2. Nhà có người tình nguyện được lợi như sau này: Một là mỗi tháng lĩnh ba đồng bạc. Hai là hễ người thợ nào chết thì Nhà nước cấp ngay cho một trăm hai mươi quan tiền tây, rồi sau lại cho vợ ăn lương mãi mãi, nếu không còn vợ thì con được ăn lương đến khi nhón.

**Hai là được danh vọng:** Phạm những người tình nguyện đi làm thợ thì được vào hạng miễn-sai cả. Khi nào làm việc có công thì được thưởng Hàm”.

Với người tình nguyện sang Pháp làm thợ (ouvrier non spécialisé – viết tắt là O.N.S – thợ không lành nghề), quyền lợi

được hứa có khác ít nhiều trong mục lợi ích vật chất:

**“Một là được tiền tài:** 1. Người tình nguyện được như sau này: Một là lúc tình nguyện được thưởng hai mươi năm quan tiền tây. Hai là mỗi ngày được 75 centimes. Ba là đồ ăn, đồ uống, chỗ ở và quần áo thì Nhà nước phát cho cả. Bốn là về việc làm thì tùy tài khéo vụng mà thưởng cho mỗi ngày từ 25 centimes đến 75 centimes. Năm là Người nào vì việc công mà thành tật thì được ăn lương mãi mãi”.

Không chỉ tuyển mộ thợ lao động, Thế chiến thứ Nhất (1914-1918) với vai trò tác nhân chính của Pháp quốc trong cuộc chiến với đế quốc Phổ khiến chính phủ nước này phải khởi động cả chính sách mộ lính từ các xứ thuộc địa sang chính quốc. Bản Dự định vua Duy Tân thứ 9 (năm 1915) soạn rõ:

*“Những người tình nguyện đi lính sang Tây thì phải theo các khoản như sau này”:*

*Khoản thứ nhất – Ai tình nguyện đăng lính thì phải đệ đơn lên quan sở tại hay là quan Sứ. Sau sẽ có tòa hội đồng vệ sinh khám xét, ai được dự tuyển thì cấp trước cho hai trăm quan tiền tây (độ 80 đồng bạc).*

*Khoản thứ hai – Khi đi lính thì sẽ cấp cho ăn theo lương lính khổ đở và ở nhà vợ con sẽ được tiền tháng.*

*Khoản thứ ba – Hễ ai tử trận thì vợ được lĩnh tiền trợ cấp mãi mãi. Song trước hãy tạm cấp cho 120 quan tiền tây (chừng độ 50 đồng bạc). Khi nào định xong số tiền trợ cấp rồi thì sẽ theo kỳ mà đến lĩnh.*

*Khoản thứ tư – Khi đăng lính rồi thì sẽ coi như là ngạch lính nước ta, và đem vào hạng miễn-sai. Ai mà thành công và ai đã đi lính lâu ngày thì không những nhà nước ban thưởng cho mà Triều đình ta lại thưởng hàm cho nữa. Ai chẳng may chết trận thì sẽ được truy tặng và một người trong họ sẽ được nhiều nam.*

*Khâm phụng Châu điếm”*



Theo Yết thị năm 1915, người được tuyển mộ vào chân lính thợ (*ouvrier-soldat*) sang làm ở các xưởng pháo thủ bên Pháp được hứa hẹn chế độ “tiền thưởng lúc đăng lính là 20 đồng bạc, tiền cấp cho nhà cô người đăng lính là mỗi tháng 3 đồng bạc”, “ăn lương mỗi ngày độ chừng 3 hào”, “những lính thợ nào làm việc giỏi được thưởng thêm”, “Được đồ ăn đồ uống, quần áo, chỗ ở. Được kể vào hạng miễn sai. Được danh vọng. Trên lãnh thổ Việt Nam khi ấy, “những tòa mộ lính là Tòa Đốc lý Hà Nội, Tòa Đốc lý Hải Phòng, Tòa Công xứ các tỉnh”<sup>9</sup>.

Dù trong tình thế bị bắt buộc hoặc tự nguyện, sự kiện bước ra từ quê nhà để tiếp xúc với thế giới rất nhiều khác lạ từ địa lý tới văn hóa đã đưa tới cho di dân Việt nhiều cảm xúc mới, nhận thức mới. Tuy nhiên, có thể với tư cách là tù nhân chính trị như Kỳ Đồng và một số khác, những khía cạnh thuộc về cá nhân sâu kín của họ bị quản lý chặt chẽ hơn, bất luận do tự thân hay bởi phía chính quyền. Với những di dân lao động khác, trong một số thư gửi nhà, những khía cạnh kín đáo trong hưởng thụ đời sống của di dân không ngần ngại được thể hiện.

Năm 1917, Chu Tiên Bo, một người Hà Nội làm công việc quân y ở Toulouse gửi thư về nhà:

“... Tuy ở bên này lắm cách chơi bởi thú thật như thế nào cũng chả như ở Tonkin được vì là có bạn có bè, có cánh nọ cánh kia, cô đầu chơi đi, tùm năm tùm ba thì mấy [mới] vui. Như bên này chỉ một mình chơi; hôm nào Lô-en [Noël] thì cầm cung trong nhà không giám thò ra đến cửa vì ra ngoài bây giờ lắm các cò ở khuyến giáo lắm, gập mình nắm lại [...] [...] đánh vào ngực. Chả nhẽ không sì xu ra, ít ra cũng mất 1 franc, độ giảm bảy tám như thế thì còn gì là lương nữa. Kể ra vui thú thì thú hơn bên ta lắm, như [nhưng] chỉ vì tốn kém lắm. Cách chim chuột thì giẽ lắm như [nhưng]

*tốn tiền chambre quá. Dem một cô đi chơi ít ra cũng mất 20 francs, ấy là những người không mất tiền chợ đó, thế nào cũng phải giần chị đi ăn cơm, sau đi cinéma rồi lúc bấy giờ mấy coucher [ngủ] được chứ chả nhẽ đưa vào chambre [phòng] ngay thì khí bất tiện một chút...”<sup>10</sup>.*

Cùng năm, bếp Nhân từ miền Nam nước Pháp gửi thư về thăm thân quyến ở Nam Kỳ:

“... Sau đây tôi trả lời về cho thầy rõ: tôi đăng cái thơ thầy gửi mà thăm tôi và thầy muốn hình đầm ở trường, lúc này cấm không cho bán nữa, vì quan trên quả rằng trong nước đã lạng[lặng] – sao còn bán hình tôi bại, nên tôi mua không đăng... Cái thơ này tôi có mượn người thợ vẽ, vẽ cái hình đầm y taly ở trường gửi về cho thầy coi chơi...”<sup>11</sup>.

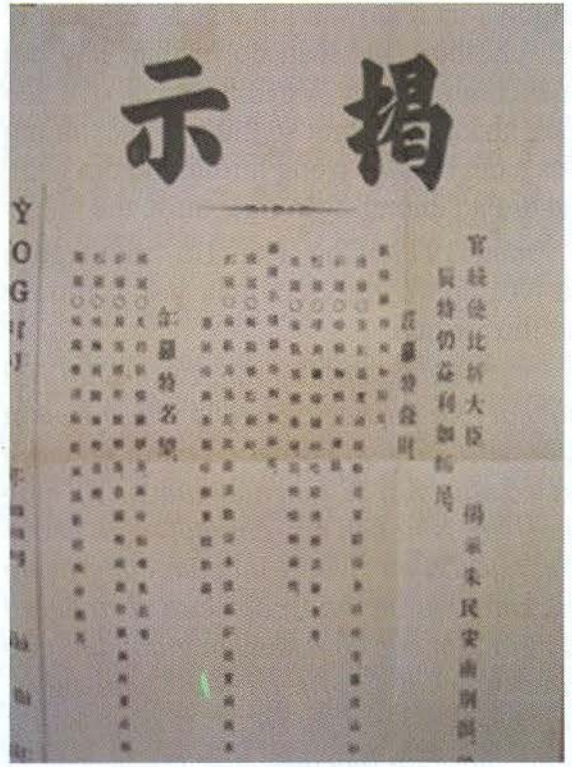
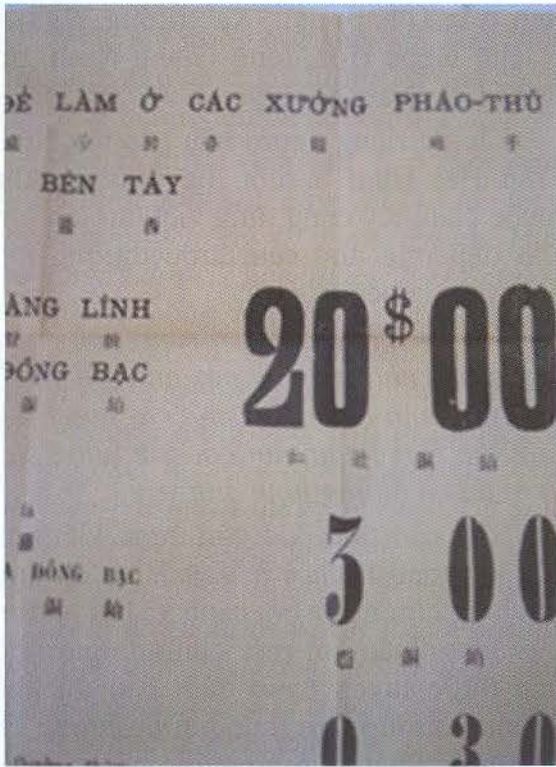
(Thư gửi từ Doanh trại Saint-Raphaël, tỉnh Var (Pháp) gửi Xã trưởng Nghiêm ở làng Ngọc Hòa, tổng Giang Ninh, tỉnh Rạch Giá, Nam Kỳ ngày 23/02/1917)

Không riêng người nấu bếp tên Nhân, Trần Hải Hàm ở một địa phương khác thuộc Nam Kỳ cũng từng viết thư gửi hình ảnh đáp ứng nhu cầu được thưởng thức điều mới lạ bên trời Tây:

“... em Phúc có nhờ rằng anh có cái chị lạ anh cho em, vậy nay anh gửi về cho em cùng anh Khán Tài một cái lạ [...] thực là nước Đại Pháp mới có, còn nước Nam ta ai đã có những hình ảnh vậy...”<sup>12</sup>.

Nhu cầu tình dục vốn được kiềm chế sâu kín theo lễ thói ở Việt Nam đã được nói lỏng hơn trong bối cảnh xã hội phương Tây khá nhiều cởi mở. Những người đàn ông được tuyển chọn đảm bảo đủ khỏe để xuất dương làm thuê hưởng lương cho nhà nước Pháp, đương nhiên nhu cầu giới tính cũng sung sức. Những người ở lại quê nhà cũng không còn quá xa lạ với những hiểu biết mới lạ từ văn hóa Âu Tây đã ảnh





Một số "Yết thị" những năm 1915-1916, gọi người tự nguyện đăng ký đi lao động ở Pháp  
Nguồn: ANOM, Phòng Toàn quyền Đông Dương



## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

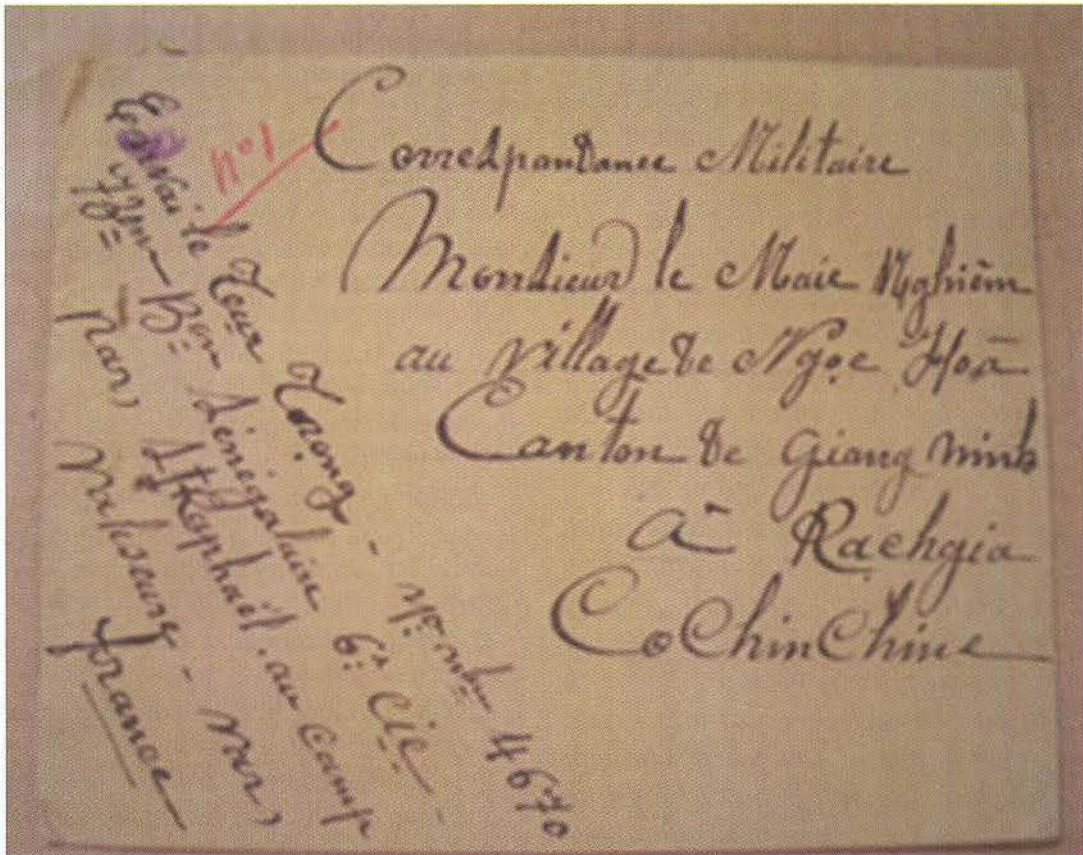
hường khắp ba kỳ trên lãnh thổ Việt Nam từ nhiều thập kỷ. Nhu cầu và sinh hoạt tình dục, thái độ tò mò háo hức đối với bản năng bị cấm kỵ,... được những người đàn ông nhắn gửi nhau trong thư riêng. Ở trong thư tín riêng tư ấy, có thể bắt gặp góc nhìn cá nhân của một số người đàn ông Việt Nam về mối quan hệ trai gái ở xứ Âu châu: về giá cả và quy trình cụ thể và của một cuộc chơi với phụ nữ địa phương từ việc mời ăn, mời vào rạp xem phim tới việc thuê phòng nghỉ... Cùng với những du ký quen thuộc khảo cứu vĩ mô về văn hóa-kinh tế-chính trị nơi đất mới, trải nghiệm và so sánh về đời sống tình dục xứ Âu Tây cũng là một phần khám phá của người Việt ở hải ngoại.

Nhưng, không thể quên, một trong những

lý do hình thành cuộc di dân lao động Đông Dương sang Pháp là để bổ túc nguồn nhân lực cho chính quốc Pháp trong thế chiến. Chiến tranh, nhất là cuộc chiến nơi trời Âu vốn đã đi trước Việt Nam rất xa về trình độ cơ giới-kỹ thuật, đương nhiên khác nhiều so với viễn cảnh tốt đẹp và hào quang được bày ra như trong yết thị tuyển mộ:

*“Để cho những người trai trẻ khỏe mạnh nước ta được ăn vận đồ binh mang binh khí nhảy nhót ở nơi chiến tràng bên Âu châu, thì chẳng về vãng lắm ru!*

*Về sau xong việc chiến tranh, khi thắng trận rồi, thì không những là Triều đình nước ta ban ơn cho về sự công lao khó nhọc, mà lại ở Kinh đô Pha lê cũng sẽ ghi tên tuổi danh giá các người vào sử để*



Bì thư gửi từ tỉnh Var (Pháp) về tỉnh Rạch Giá (Nam Kỳ, Việt Nam)

Nguồn : ANOM (Pháp), Phòng Toàn quyền Đông Dương



làm điều kỳ niệm”<sup>13</sup>.

Cũng đương nhiên, góc nhìn của cá nhân có thể không phải là tất cả thực tế. Dù vậy, sự đa dạng và sinh động của hiện thực đời sống được phản ánh trong tài liệu lưu trữ là có thật. Đáng chú ý là sự khuyết danh (cả người gửi và người nhận) của một số thư gửi nhà tường thuật tình cảnh bi quan của lính thợ từ Đông Dương sang Pháp trong Thế chiến thứ Nhất:

*“Đánh giặc cả ngày cả đêm mà vậy rồi lúc nào mới lại đánh giặc ở bên này nó đánh độc bằng tàu bay như là pháp thánh đánh nhau. Mà còn như tôi trôi cho ra người thời nội trong năm nay tôi được về. Như mà cái phận sông mà về được thời ich, có ở bên này đi đánh giặc cả đời thời một phần sống là mười phần chết, mà tôi nghĩ công phu tôi khổ nhục sáu, bảy năm nay thời tôi nghĩ tiết cái thân tôi quá...”<sup>14</sup>.*

Những số liệu của cuộc chiến, những chi tiết trong sinh hoạt ngày thường của phận lính thợ được tiết lộ:

*“Con xin nói chuyện Tây để nhà biết: đánh nhau một trận một bên nước Đức thời hai nước nước Đức nước Di [...] còn một bên nước Tây thời tất cả là mười nước. Đánh nhau một trận tháng Một năm Bình Thèn [1916] chết mất tất cả các nước là 1.900 người. Còn thời các trận không biết chết kể [...] bao nhiêu thời không biết mà nói... Và bao giờ được về mà đánh nhau những tàu bay máy tàu [...] mà đánh nhau kẻ không biết rằng mấy ngàn mấy vạn mấy muôn người mà nói... Con ở nhà thời được 60 tân ký lô [kg] mà bây giờ thời chỉ có 49 tân... Máy ở bên này chết mất một người bao mấy chết mất một [...] mấy chết mất một người lính. Máy lại nhật báo nói rằng lính ta thời bao giờ song trận thời mấy được về bên Nam Việt. Thời nhật báo nói rằng [...] tàu chết mất 2.800 người, chỉ vớt được có... [tư liệu đến đây là dừng]”<sup>15</sup>.*

Từ trong đời thường đầy khó khăn, thậm chí thiếu thốn về kinh tế và chật chội, cũ kỹ về nếp sống trong làng xã phường hội ở quê nhà, các thế hệ di dân người Việt đầu tiên sang Pháp, mang trên vai những thân phận khác nhau, đã trực tiếp trải nghiệm nhiều mới lạ, bao gồm cả vị ngọt và cay đắng. Một cách chính thức, ở cấp nhà nước, họ là đối tượng mở đầu cho chính sách xuất khẩu lao động của Nam triều dưới sự bảo hộ của nhà nước Pháp. Những cuộc viễn hành bắt buộc hoặc những chuyến viễn du với kỳ vọng đổi đời không dễ được như ý trong đời thực. Trong bộn bề nghiên cứu lịch sử quan hệ giữa hai đất nước Việt-Pháp, những tiếng nói nhỏ nhoi từ số phận nhỏ bé của di dân tha hương viễn xứ là một phần không đáng bị bỏ quên./

**Chú thích:**

1. Tác giả : Mireille Le Van Ho
2. Tác giả : Luguern Liêm Khê. Ấn phẩm song ngữ Pháp-Việt
3. Tác giả: Pierre Daum
4. Theo <http://jeanvanjeanchandang.blogspot.com/>, ngày 03/10/2018, và Jean Vanmai (1991), *Centenaire de la présence vietnamienne en Nouvelle-Calédonie 1891-1991*, Nouméa : Point d'Histoire và Lưu trữ Quốc gia Nouvelle-Calédonie <https://archives.gouv.nc/>
5. ANOM (Lưu trữ Quốc gia hải ngoại Pháp), Phòng Thống sứ Bắc kỳ, số 27689  
Nội dung tám thư bằng Hán Nôm được tác giả bài viết này phiên dịch năm 2013
6. Nguyễn Phan Quang (2002), Hà Nội: Văn học  
Nội dung thư từ Nouvelle-Calédonie được Giáo sư Nguyễn Tài Cần đọc và dịch (dẫn theo Kỳ Đông Nguyễn Văn Cẩm : *Cuộc đời và thơ văn*)
7. Theo <http://jeanvanjeanchandang.blogspot.com/> ngày 03/10/2018
8. ANOM, FM.Indo.602. Bản dịch từ Hán Nôm ra Việt văn do Việt Anh thực hiện
- 9, 13. Các trích dẫn trên đây nằm trong ANOM, Phòng Toàn quyền Đông Dương, hồ sơ số 66431. Bản Việt văn trong tài liệu lưu trữ.
- 10, 11, 12, 14, 15 . ANOM, Phòng Toàn quyền Đông Dương, hồ sơ số 66593. Bản Việt văn trong tài liệu lưu trữ



## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

### Tư liệu tham khảo:

#### Bản thảo:

- Lưu trữ Quốc gia hải ngoại Pháp (viết tắt: ANOM, Pháp).

#### Ấn phẩm:

- Mireille Le Van Ho (2014), *Des Vietnamiens dans la Grande guerre. 50.000 recrues dans les usines françaises*. Paris, Vendémiaire

- Luguern Liêm Khê (2010), *Les Travailleurs indochinois requis, Parcours 1939-2006*, ấn phẩm song ngữ Pháp-Việt. Đà Nẵng : Đà Nẵng.

- Pierre Daum (2009), *Immigrés de force, les travailleurs indochinois en France (1939-1952)*.

Paris, Actes Sud.

- Nguyễn Phan Quang (2002), *Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm : Cuộc đời và thơ văn*. Hà Nội: Văn học.

- Jean Vanmai (1991), *Centenaire de la présence vietnamienne en Nouvelle-Calédonie 1891-1991*, Nouméa : Point d'Histoire

#### Phim tài liệu:

- Lê Lâm (2013), *Công Binh : La longue nuit indochinoise*.

Theo <http://www.congbinh.net/>

#### Site web, blog:

<https://archives.gouv.nc/>

<http://jeanvanjeanchandang.blogspot.com/>

## XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI LIỆU ...

(Tiếp theo trang 13)

“... Từ năm 2019, Chính phủ sẽ ưu tiên chính sách cho đầu tư vào vốn nhân lực và hạ tầng chất lượng cao, đặc biệt là hạ tầng thông minh, hạ tầng CMCN 4.0. Đồng thời, Chính phủ cũng sẽ đặt chương trình ưu tiên trong những năm tới dành cho cải cách giáo dục, trong đó đặc biệt là giáo dục đại học, tập trung vào các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học, bảo đảm sinh viên tốt nghiệp có các kỹ năng tối thiểu và phù hợp thời đại CMCN 4.0. Chính phủ cũng sẽ dành ưu tiên nhiều hơn nữa cho đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng thông minh, hạ tầng kỹ thuật số để thúc đẩy và tận dụng cơ hội của CMCN 4.0...”

### Chú thích

1. GS.TS. B. Brachmann. *Giáo trình đào tạo TS Lưu trữ học 1982* Trường Đại học tổng hợp Humboldt zu Berlin Đức

2. Trích dẫn tham luận “*Quản lý lưu trữ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*” của PGS.TS Dương Văn Khâm tại Tọa đàm “*Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những tác động đến công tác văn thư*”, - lưu trữ do Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước tổ chức ngày 15/5/2018

3. Tạp chí Tài chính Đại học Kinh tế Quốc dân (2018), CMCN 4.0 và những thách thức đối với nguồn nhân lực Việt Nam. Bài viết của TS. Chu Thị Bích Ngọc;

- TS. Lê Việt Quốc, chuyên gia về trí tuệ nhân tạo của Google, người được đồng nghiệp gọi là “ông thầy dạy cho máy móc hiểu cảm xúc của con người” trong phát biểu tham luận cho biết “*minh mang đến một tin ..., đó là Việt Nam chưa sẵn sàng cho Cách mạng Công nghiệp 4.0*”...

### Tài liệu tham khảo:

- Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020;

- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (2015), Kỷ yếu Tọa đàm “*Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những tác động đến công tác văn thư* - lưu trữ do Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước tổ chức ngày 15/5/2018;

- Linh Lan (2018) Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) chủ đề “*Sự sẵn sàng cho nền sản xuất tương lai*”, Việt Nam nằm trong nhóm các nước chưa có sự sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.